

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4354/UBND-KTTH

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 10 năm 2013

V/v hỗ trợ vốn đối ứng
ODA từ Trung ương
năm 2014

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC C. NGÃI	
CV	Số:.....5432.....
ĐẾN	Ngày: 29/10/13.....
	Chuyên:.....

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Trong thời gian vừa qua, được sự quan tâm của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương, án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất được triển khai xây dựng đi vào hoạt động đã đem lại nguồn thu lớn cho tỉnh Quảng Ngãi. Tuy nhiên, nguồn thu từ thuế tiêu thụ đặc biệt sản phẩm xăng dầu của Nhà máy lọc dầu Dung Quất được điều tiết về ngân sách Trung ương; đồng thời các chương trình mục tiêu được Trung ương hỗ trợ đều bị cắt giảm (với lý do tỉnh có nguồn thu ngân sách lớn có điều tiết về Trung ương) trong đó có nguồn đối ứng vốn ODA.

Mặc dù sự tác động và lan tỏa của Nhà máy lọc Nhà máy Lọc dầu Dung Quất đã thúc đẩy kinh tế tỉnh Quảng Ngãi phát triển. Nhưng do xuất phát điểm của nền kinh tế quá thấp, đến nay trong 14 huyện, thành phố của tỉnh vẫn còn 06 huyện miền núi thuộc Chương trình 30a của Chính phủ; có 22 xã của 06 huyện đồng bằng thuộc chương trình bãi ngang ven biển, có 01 huyện đảo Lý Sơn thuộc đảo tiền tiêu của đất nước. Do đó, tỉnh Quảng Ngãi vẫn còn nằm trong diện tỉnh nghèo của đất nước, ngân sách của tỉnh còn eo hẹp, không có nguồn vốn bố trí bù phần kinh phí Trung ương cắt giảm các chương trình mục tiêu.

Để giải quyết khó khăn của tỉnh, Bộ Tài chính đã trình và được Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho tỉnh Quảng Ngãi hưởng các chính sách an sinh xã hội, được hỗ trợ 100% theo cơ chế như các tỉnh chưa có điều tiết về ngân sách Trung ương (tại Công văn số 677/TTg-KTTH ngày 22/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ). Còn các chương trình mục tiêu có tính chất đầu tư thì đến nay vẫn chưa được giải quyết, nên việc triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu trong thời gian qua ở địa phương rất khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến việc phát triển kinh tế - xã hội và thực hiện chính sách an sinh xã hội của tỉnh.

Mặt khác, hiện nay Quảng Ngãi có tổng cộng 18 Chương trình, dự án hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), góp phần không nhỏ vào sự phát triển chung của tỉnh. Theo cam kết trong năm 2014, nhu cầu vốn đối ứng của các Chương trình, dự án ODA tỉnh Quảng Ngãi là 60 tỷ đồng (chi tiết có phụ lục đính kèm), nhưng địa phương rất khó khăn trong việc cân đối vốn đối ứng để thực hiện.

Vì vậy, UBND tỉnh Quảng Ngãi kính trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, xem xét, hỗ trợ vốn đối ứng ODA năm 2014 cho tỉnh Quảng Ngãi là 60 tỷ đồng để địa phương có nguồn thực hiện cam kết với các nhà tài trợ.

Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư quan tâm, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Vụ KT Địa phương và Lãnh thổ
Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Vụ TH Kinh Tế quốc dân Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, CBTH;
- Lưu: VT, pKTTH(LeSang279).

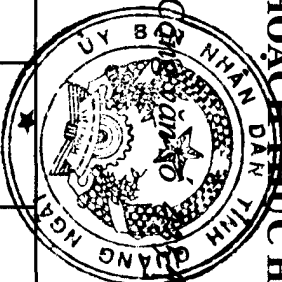


CHỦ TỊCH

Cao Khoa

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ VỐN ODA (VAY, VIỆN TRỢ)
THỤC NGUỒN NSNN NĂM 2014**

(Kèm theo Quyết định của UBND-KTTH ngày 8/10/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)



Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục công trình, dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	KH năm 2013				Đã bố trí vốn đến hết KH năm 2013				Dự kiến kế hoạch năm 2014			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				
						Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt)			
(1)	TỔNG SỐ	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)			
	Danh mục dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2011				191.900	36.350	155.550	597.855	101.365	496.490	380.000	60.000	320.000			
1	NGÀNH NÔNG NGHIỆP				80.619	17.419	63.200	380.180	65.607	314.573	239.991	35.791	204.200			
1	Các dự án hoàn thành, bàn giao, đi vào sử dụng trước ngày 31/12/2013				14.400	2.400	12.000	140.030	15.857	124.173	1.531	1.531	-			
b	Dự án nhóm B				14.400	2.400	12.000	140.030	15.857	124.173	1.531	1.531	-			
(1)	Phát triển nông thôn tổng hợp	Mộ Đức, Đức Phổ, Sơn Tĩnh, Bình Sơn	Kiến cố và hoàn thiện kênh thủy lợi (40,107ha)	2008- 2013	14.400	2.400	12.000	140.030	15.857	124.173	1.531	1.531	-			
2	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2014				23.950	2.750	21.200	142.570	25.352	117.218	18.638	3.438	15.200			
b	Dự án nhóm B				22.550	2.350	20.200	135.851	23.211	112.640	17.238	3.038	14.200			

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
(1)	Khôi phục và Quản lý rừng bền vững KFW6	Nghĩa Hành, Đức Phổ, Tư Nghĩa	Thiết lập 3,800 ha rừng; Quản lý rừng cộng đồng 1.012 ha	2005-2014	3.200	2.000	1.200	47.808	17.105	30.703	2.200	2.000	200
(2)	Trồng rừng trên đất cát ven biển (PACSA 2)	Đức Phổ	414,49 ha	2010-2014	19.350	350	19.000	88.043	6.106	81.937	15.038	1.038	14.000
c	Dự án nhóm C				1.400	400	1.000	6.719	2.141	4.578	1.400	400	1.000
(1)	Khí sinh học ngành chăn nuôi	Các huyện	4.449 hầm biogas	2007-2014	1.400	400	1.000	6.719	2.141	4.578	1.400	400	1.000
3	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2014				42.269	12.269	30.000	97.580	24.398	73.182	219.822	30.822	189.000
b	Dự án nhóm B				42.269	12.269	30.000	97.580	24.398	73.182	219.822	30.822	189.000
(1)	Phát triển ngành Lâm nghiệp	Trà Bồng, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Ba Tư	Trồng 10.300ha rừng, đảo tạo tập huấn	2005-2015	18.569	3.569	15.000	77.931	16.749	61.182	12.000	2.000	10.000
(2)	Giảm nghèo bền vững khu vực Tây Nguyên - tỉnh Quảng Ngãi	Sơn Hà, Sơn Tây, Ba Tư	Đa mục tiêu	2013-2018	5.500	2.500	3.000	1.000	1.000	-	60.000	10.000	50.000
(3)	Phục hồi và Quản lý bền vững rừng phòng hộ	Ba Tư, Tây Trà, Sơn Hà, Sơn Tây	Trồng rừng: 2.800ha; BVR: 3.200ha; Khoanh nuôi có trồng bổ sung: 600ha; Khoanh nuôi XTSTN: 2.700ha	2012-2021	5.200	1.200	4.000	5.649	1.649	4.000	77.822	8.822	69.000
(4)	Dự án Quản lý Thiên tai	Mộ Đức, Đức Phổ	Đa mục tiêu	2012-2017	13.000	5.000	8.000	13.000	5.000	8.000	70.000	10.000	60.000
II	NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI				14.000	4.000	10.000	14.000	4.000	10.000	27.607	8.907	18.700
2	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2014				14.000	4.000	10.000	14.000	4.000	10.000	27.607	8.907	18.700
c	Dự án nhóm C				14.000	4.000	10.000	14.000	4.000	10.000	27.607	8.907	18.700
(1)	Cầu Sông Liên - Ba Cung	Ba Tư	198 m cầu, 512,7m đường	2013-2014	14.000	4.000	10.000	14.000	4.000	10.000	27.607	8.907	18.700
III	NGÀNH Y TẾ				32.170	9.300	22.870	88.510	12.020	76.490	19.837	1.837	18.000
2	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2014				32.170	9.300	22.870	88.510	12.020	76.490	19.837	1.837	18.000
b	Dự án nhóm B				32.170	9.300	22.870	88.510	12.020	76.490	19.837	1.837	18.000

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
(1)	Hỗ trợ y tế vùng duyên hải Nam Trung Bộ	Som Tây, Tây Trà, Trà Bồng, Ba Tư và Mộ Đức	Đầu tư các cơ sở y tế và Trang thiết bị	2009-2013	32.170	9.300	22.870	88.510	12.020	76.490	19.837	1.837	18.000
IV	NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO				38.980	3.500	35.480	40.297	5.600	34.697	21.165	6.465	14.700
b	Dự án nhóm B				30.550	2.500	28.050	12.000	2.500	9.500	11.700	5.000	6.700
2	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2014				30.550	2.500	28.050	12.000	2.500	9.500	11.700	5.000	6.700
(1)	Chương trình phát triển giáo dục trung học	Ba Tư, Som Hạ, Minh Long	4446 m2	2012-2014	30.550	2.500	28.050	12.000	2.500	9.500	11.700	5.000	6.700
3	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2014				8.430	1.000	7.430	28.297	3.100	25.197	9.465	1.465	8.000
b	Dự án nhóm B				8.430	1.000	7.430	28.297	3.100	25.197	9.465	1.465	8.000
(1)	Chương trình đàm bảo chất lượng giáo dục trường học (SEQAP)	09 huyện	80 phòng học, 68 nhà vệ sinh, 14 nhà đa năng	2010-2015	8.430	1.000	7.430	28.297	3.100	25.197	9.465	1.465	8.000
V	NGÀNH LAO ĐỘNG, TB & XH				9.000	1.000	8.000	13.007	13.007	-	36.000	2.000	34.000
3	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2014				9.000	1.000	8.000	13.007	13.007	-	36.000	2.000	34.000
b	Dự án nhóm B				9.000	1.000	8.000	13.007	13.007	-	36.000	2.000	34.000
(1)	Trường Cao đẳng nghề Việt Nam-Hàn Quốc	TP Quảng Ngãi	1.000-1.200 SV/năm	2005-2014	9.000	1.000	8.000	13.007	13.007	-	36.000	2.000	34.000
VI	NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG				16.000	-	16.000	60.730	-	60.730	30.400	-	30.400
2	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2014				16.000	-	16.000	60.730	-	60.730	30.400	-	30.400
b	Dự án nhóm B				16.000	-	16.000	60.730	-	60.730	30.400	-	30.400
(1)	Hoàn thiện và HDH hệ thống quản lý đất đai	Các huyện	Đo vẽ BBDC 77.857 ha, cấp mới và cấp đổi 605.200 GCNQSDĐ	2008-2013	16.000	-	16.000	60.730	-	60.730	30.400	-	30.400
IX	DỰ PHÒNG TRẢ NỢ CT HOÀN THÀNH VÀ CÁC DỰ ÁN KHÁC				1.131	1.131	-	1.131	1.131	-	5.000	5.000	-